

ĐÀO TẠO KỸ NĂNG CHĂM SÓC ĐÁP ỨNG VỚI TRẺ CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

BÙI THỊ XUÂN LUYA
Trường Đại học Sài Gòn

Nhận bài ngày 15/11/2025. Sửa chữa xong 30/12/2025. Duyệt đăng 05/01/2026.

Abstract

This article analyzes the theoretical foundations of responsive caregiving for young children and clarifies the requirements for developing responsive caregiving skills among Early Childhood Education students during their training. Drawing on key concepts and the characteristics of children's needs for responsive care at different developmental stages, the study identifies the core components of responsive caregiving skills that students are expected to acquire. These include the ability to recognize children's needs, provide appropriate responses, and engage in effective interactions during caregiving, nurturing, educational, and play activities. The article further examines major training pathways—such as practical coursework, observation placements, and teaching internships—that facilitate the formation and development of these skills. The arguments presented provide a theoretical basis for teacher education institutions in designing curricula and organizing training processes to foster responsive caregiving competencies among future Early Childhood Education teachers.

Keywords: Early Childhood Education, practicum, professional skills, responsive care, student training.

1. Đặt vấn đề

Các lý thuyết về sự phát triển của trẻ em cho chúng ta biết rằng, ngay từ giai đoạn đầu đời trẻ em đã là một người học tích cực, chủ động và đầy tiềm năng; Chúng liên tục bộc lộ ra bên ngoài nhu cầu của bản thân, thể hiện sự tò mò, thích khám phá tìm hiểu về thế giới xung quanh, học hỏi điều mới bằng nhiều cách khác nhau, đặc biệt là qua tương tác và chơi. Sự phát triển của trẻ em sẽ được tối ưu hoá nếu người lớn- nhà giáo dục nắm bắt được các nhu cầu phát triển của trẻ em và đáp ứng kịp thời, đúng lúc và hỗ trợ chúng phát triển đúng cách- liên tục từ “vùng phát triển hiện tại” lên “vùng phát triển gần nhất”. Hay nói cách khác mức độ thực hành phương pháp chăm sóc đáp ứng của nhà giáo dục sẽ góp phần tạo ra chất lượng phát triển của trẻ em hiện tại và mang lại lợi ích lâu dài cho trẻ, bao gồm khả năng học tập được nâng cao, thành tích cao hơn ở trường và cuộc sống sau này, quyền công dân, sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng và chất lượng cuộc sống nói chung đều được nâng cao [2]. Tuy nhiên, mỗi trẻ em có đặc trưng riêng về phát triển thể chất, trí tuệ, tình cảm và xã hội, với các hoàn cảnh gia đình, môi trường văn hóa xã hội nơi trẻ sống khác nhau; ngoài ra, dù cùng độ tuổi, cùng môi trường sống, cùng điều kiện giáo dục, nguồn gốc sinh thành ... thì trẻ em khác nhau vẫn có nhu cầu phát triển không như nhau. Vì vậy, giáo viên mầm non phải biết vận dụng cách chăm sóc đáp ứng trẻ trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Thực tiễn cho thấy, việc chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường mầm non chưa thực sự đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của trẻ em. Nguyên nhân cơ bản chính là giáo viên mầm non (GVMN) chưa nhận thức đầy đủ về chăm sóc đáp ứng trẻ, chưa thực hành hiệu quả các kỹ năng chăm sóc đáp ứng trẻ trong xây dựng môi trường giáo dục; trong hỗ trợ trẻ em chơi và học, trong phát triển cảm xúc- xã hội cho chúng. Vẫn còn một bộ phận GVMN chưa sẵn sàng năng lực nghề nghiệp đáp ứng trẻ, cụ thể là kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ mầm non.

Vấn đề cấp thiết này được đặt ra trước hết cho các trường đào tạo GVMN tương lai để sản phẩm đào

Email: btxluya@gmail.com

tạo phải có những hiểu biết chuyên sâu, có kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng trẻ em và yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ em trong bối cảnh đổi mới của GVMN và của xã hội hiện đại. Tuy nhiên, qua các tài liệu thu thập cũng cho thấy chưa có nhiều nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn vững chắc để nâng cao hiệu quả đào tạo năng lực nghề đáp ứng kịp thời nhu cầu đang phát triển của trẻ em nói chung, kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ mầm non nói riêng cho người GVMN tương lai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Chăm sóc đáp ứng với trẻ em mầm non

Có nhiều cách hiểu khác nhau về chăm sóc trẻ mầm non:

Theo nghĩa hẹp- chỉ tập trung vào chăm sóc sức khỏe. “Chăm sóc trẻ mầm non được hiểu là tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, bảo vệ, chăm sóc (gọi chung là chăm sóc sức khỏe) cho trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi” [4].

Theo nghĩa rộng - coi chăm sóc là các tác động của người lớn đến trẻ em để giúp chúng được phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và xã hội. Các tác động của người lớn (cha, mẹ, nhà giáo dục, GVMN) đến trẻ em thể hiện qua tương tác hàng ngày với trẻ em trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em.

Tác giả cho rằng: *Chăm sóc đáp ứng với trẻ em mầm non chính là tương tác đáp ứng của người lớn (người chăm sóc trẻ, nhà giáo dục, GVMN) với trẻ em nhằm phản hồi phù hợp những yêu cầu, đòi hỏi của trẻ theo cách mà trẻ em mong muốn.*

Có thể nhận diện chăm sóc đáp ứng của người lớn với trẻ em thông qua quan sát hành động tương tác cặp (trẻ bộc lộ mong muốn- người lớn đáp lại phù hợp) và tương tác của người lớn với trẻ trong khi chơi. Cần chú ý rằng: Chăm sóc đáp ứng với trẻ không phải là người lớn “làm thay”, “làm hộ” trẻ, mà người lớn cần hỗ trợ để trẻ “tự mình” giải quyết các tình huống có vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập và phát triển của chúng.

2.1.2. Kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ mầm non của sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non

Kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ mầm non là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm của sinh viên (SV) vào điều kiện thực tiễn để thực hiện thành công hoạt động tương tác với trẻ em, đáp ứng kịp thời các nhu cầu phát triển của trẻ em theo cách mà chúng mong muốn.

Từ khái niệm này cho thấy: Kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ em đòi hỏi SV phải “nhận ra” các nhu cầu phát triển của trẻ em và những mong đợi của trẻ em về cách người lớn đáp ứng nhu cầu của chúng; phản hồi phù hợp các nhu cầu, mong đợi của trẻ và biết cách kích thích trẻ em liên tục phát triển; Kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ em đòi hỏi SV phải có kiến thức lý luận có liên quan và hiểu biết, trải nghiệm về cách thức thực hiện trong thực tiễn giáo dục mầm non, đồng thời, SV biết vận dụng linh hoạt các hiểu biết, kinh nghiệm đó vào tương tác trẻ em trong các tình huống cụ thể; Kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ em của SV được thể hiện trong tương tác với trẻ em. Các tương tác của GVMN tương lai với trẻ em trong lớp học thể hiện trong 03 lĩnh vực: xây dựng môi trường văn hoá lớp học; hỗ trợ trẻ em học tập qua chơi; hỗ trợ trẻ em phát triển kỹ năng cảm xúc- xã hội. Phân tích số lượng và chất lượng tương tác của SV với trẻ em trong 03 lĩnh vực nêu trên ở các điều kiện, bối cảnh cụ thể khác nhau có thể đánh giá được chất lượng chăm sóc đáp ứng với trẻ em.

2.2. Sự phát triển nhu cầu được chăm sóc đáp ứng của trẻ em mầm non

Lý thuyết gắn bó của Bowlby, 1969 cho thấy rằng: Nhu cầu gắn bó của trẻ sơ sinh với người chăm sóc (hoặc cha, mẹ) thể hiện trẻ em cần dựa vào người chăm sóc để được đáp ứng nhu cầu gần gũi, hỗ trợ về mặt tình cảm và được bảo vệ. Ngay từ khi sinh ra, trẻ em đã bộc lộ nhu cầu kết nối mạnh mẽ với thế giới bên ngoài và đồng thời thể hiện mong đợi được chăm sóc đáp ứng theo cách mà trẻ mong muốn. Ở giai đoạn dưới 12 tháng tuổi- ở độ tuổi mà chúng ta thường nghĩ rằng trẻ em không hiểu được cảm xúc, cũng như không có nhu cầu chăm sóc về mặt cảm xúc thì trẻ em đã thể hiện rõ nhu cầu được chăm

sóc đáp ứng về mặt tình cảm, xã hội chứ không chỉ nhu cầu dinh dưỡng, chăm sóc vệ sinh. H.Wallon cho rằng khó có thể đánh giá hết được vai trò của cảm xúc trong những tiến bộ về mọi mặt của đứa trẻ ở giai đoạn này [1]. Thí nghiệm của Ed Tronick, 1970 cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách phản ứng của Cha, mẹ có thể ảnh hưởng đến sự phát triển cảm xúc của trẻ em sơ sinh và điều gì sẽ xảy ra khi người lớn ngắt “kết nối” bằng mắt và biểu cảm trong tương tác với chúng. Trong mối quan hệ gắn bó an toàn, cả đứa trẻ và người mẹ đều liên tục phát, nhận tín hiệu cho nhau và đáp ứng lẫn nhau. Tín hiệu của mẹ được biểu hiện ở những cử chỉ, động tác, nét mặt, giọng nói... hướng về đứa con nhằm gợi cho nó phản ứng đáp lại. Ở đứa con, tuy chưa có lời nói hay cử chỉ hướng về mẹ một cách chủ định, nhưng trẻ em cũng có thể phát ra những tín hiệu khiến cho người xung quanh chú ý đến mình như la khóc, vặn mình, cọ quây chân tay... Nhờ đó mà người xung quanh trước hết là người mẹ, nhận ra và đáp ứng được nhu cầu của bé như cho bú, thay tã lót, ôm ấp vỗ về, tạo ra sự gắn bó an toàn với trẻ [5].

Khi trẻ em lớn lên, mong đợi được chăm sóc đáp ứng càng mạnh mẽ, nhất là trong lĩnh vực chăm sóc tinh thần và xã hội. Dựa trên những trải nghiệm gắn bó đầu tiên, trẻ em tương tác tích cực với người chăm sóc/ Cha, mẹ, ở trẻ em Nhà trẻ bắt đầu hình thành mô hình tương tác xã hội nội tại. Sang tuổi Mẫu giáo mô hình tương tác xã hội sẽ dần thay đổi dưới ảnh hưởng của những người lớn khác, trong đó, giáo viên mầm non đóng vai trò quan trọng. Sự gắn bó tích cực và an toàn với người lớn thông qua chăm sóc đáp ứng với trẻ em của giáo viên mầm non sẽ tạo ra sự phát triển lành mạnh và hạnh phúc của trẻ em. Dưới đây sẽ phân tích rõ nhu cầu được chăm sóc đáp ứng của trẻ em mầm non ở từng giai đoạn lứa tuổi.

2.2.1. Giai đoạn lứa tuổi Nhà trẻ (dưới 3 tuổi)

Giai đoạn này được coi là quan trọng nhất đối với sự sống còn và phát triển của trẻ em và là thời điểm trẻ em dễ bị tổn thương nhất khi thiếu đi sự chăm sóc thích hợp, đặc biệt là trong phát triển về thể chất và nhận thức của trẻ em. Chính trong giai đoạn này, sự phát triển não bộ diễn ra mạnh mẽ, hình thành cơ sở tâm sinh lý cho phát triển các năng khiếu liên quan như thị giác, thính giác và kiểm soát cảm xúc. Chăm sóc dinh dưỡng phù hợp với chế độ ăn uống cân bằng trong thai kỳ, nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ cho đến sáu tháng và sau đó cho ăn bổ sung là cần thiết để đảm bảo sự phát triển tối ưu của các chức năng này. Thêm nữa, việc cung cấp một môi trường kích thích, an toàn, bảo vệ và ấm áp sẽ cho phép trẻ em phát triển mối quan hệ gắn bó bền chặt với cha mẹ và người chăm sóc và cung cấp cho trẻ những nền tảng cần thiết để trẻ phát triển tiếp theo.

2.2.2. Giai đoạn lứa tuổi Mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi)

Trong giai đoạn này, tiến bộ của trẻ em thể hiện rõ nét trong phát triển nhận thức, ngôn ngữ, phát triển tình cảm xã hội và tương tác với bạn bè. Trẻ em Mẫu giáo dần chuyển từ hành vi bột phát sang hành vi mang tính xã hội, xuất hiện động cơ hành vi mang tính nhân cách. Hoạt động chơi đóng vai trò chủ đạo, thể hiện rõ rệt tính tự lực, tự do, và chủ động trong chơi, nhờ đó trẻ em dần dần phát triển nhân cách của mình với tư cách là một thành viên của xã hội. Trẻ đã biết tư duy bằng hình ảnh trong đầu, nhưng do biểu tượng còn nghèo nàn và tư duy mới được chuyển từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong nên trẻ mới chỉ giải được một số bài toán hết sức đơn giản theo kiểu tư duy trực quan - hình tượng. Trẻ rất nhạy cảm với biểu hiện của người thân, của sự vật, hiện tượng trong môi trường sống xung quanh, thể hiện mạnh mẽ cảm xúc của bản thân và gắn bó gần gũi với Cha mẹ, cô giáo và bạn bè.

Bên cạnh việc tiếp tục chú ý đến chăm sóc đáp ứng về dinh dưỡng, sức khỏe và bảo vệ thì các tương tác đáp ứng đa dạng hơn trong nhận thức và ngôn ngữ, bao gồm sự nhạy cảm, phản hồi và kích thích của Cha mẹ và người chăm sóc rất quan trọng cho trẻ em Mẫu giáo phát triển toàn diện và chuyển tiếp thành công vào trường Tiểu học.

2.3. Biểu hiện và con đường rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ em cho sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non

2.3.1. Biểu hiện kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ em của sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non

Có nhiều cách để xác định cấu trúc thành tố của kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ em mầm non.

Trong đó có thể sử dụng cách tiếp cận quá trình và cách tiếp cận theo số lượng. Cụ thể như sau:

STT	Cách tiếp cận	Biểu hiện
1	Tiếp cận theo quá trình xuất hiện các KN thành phần của chăm sóc đáp ứng với trẻ em mầm non,	- Kỹ năng quan sát và nhận biết các biểu hiện bên ngoài của trẻ em - Kỹ năng diễn giải- dự đoán được nhu cầu bên trong của trẻ em - Kỹ năng hành động- phản hồi kịp thời, đáp ứng được nhu cầu phát triển của trẻ - Kỹ năng kích thích, hỗ trợ trẻ em phát triển trong các hoạt động chơi
2	Tiếp cận theo chất lượng sự phản hồi, đáp ứng với trẻ em của sinh viên qua tương tác	+ Về thể lực: Cường độ và tốc độ phản hồi của sinh viên; Sự gần gũi, chia sẻ của người lớn với trẻ qua tương tác + Về cảm xúc: Thể hiện cảm xúc không lời và bằng lời của sinh viên và trẻ em. + Về nhận thức: Sự tập trung và phân phối chú ý; Sự hỗ trợ hoạt động nhận thức của trẻ em qua tương tác.
3	Tiếp cận dựa trên 03 lĩnh vực tương tác của giáo viên mầm non với trẻ em trong lớp học	a. Xây dựng văn hóa lớp học đáp ứng với trẻ em mầm non: - Kỹ năng xây dựng môi trường học tập hỗ trợ trẻ, sinh viên sư phạm mầm non phải: + Biết sử dụng xử tôn trọng với tất cả các trẻ; + Biết sử dụng ngôn ngữ tích cực với trẻ; + Biết đáp ứng kịp thời nhu cầu của trẻ; + Biết cách đối xử công bằng, không thiên vị và thách thức các định kiến trong lớp học. - Kỹ năng thực hiện các kỳ vọng về hành vi tích cực đối với trẻ, sinh viên cần: + Biết đặt ra những kỳ vọng rõ ràng về hành vi đối với các hoạt động/hoặc cung cấp các hoạt động học tập bằng nhiều hình thức trình bày. + Biết tạo ra những mối liên kết trong ngày có liên quan đến các khái niệm khác hoặc cuộc sống hàng ngày của trẻ b. Hướng dẫn học tập đáp ứng trẻ em mầm non - Tạo điều kiện học tập cho trẻ mầm non, sinh viên cần: + Biết nêu rõ mục tiêu của hoạt động học tập. + Biết giải thích các khái niệm và/hoặc cung cấp các hoạt động học tập bằng nhiều hình thức trình bày khác nhau, phù hợp với trẻ em. + Biết tạo ra những mối liên kết trong ngày hoặc trong cuộc sống của trẻ em có liên quan đến phát triển các khái niệm mà trẻ em học. + Biết làm mẫu bằng cách thực hiện hoặc hỗ trợ và kể lại hay nói ra thành tiếng những suy nghĩ của mình. - Kiểm tra sự hiểu biết của trẻ mầm non, sinh viên cần: + Biết sử dụng các câu hỏi, gợi ý hoặc các chiến lược khác để xác định mức độ hiểu của trẻ. + Biết giám sát hầu hết trẻ em trong các hoạt động học tập độc lập/nhóm nhỏ, bao gồm cả vui chơi tự do. + Biết điều chỉnh cách dạy phù hợp với trình độ của trẻ. - Phản hồi/ nhận xét trẻ mầm non, sinh viên cần: + Biết đưa ra nhận xét hoặc gợi ý cụ thể giúp làm rõ những hiểu lầm của trẻ. + Biết đưa ra nhận xét hoặc gợi ý cụ thể giúp xác định những thành công của trẻ. - Phát triển tư duy phân biệt đối với trẻ, sinh viên cần: + Biết hỏi những câu hỏi mở; + Biết cung cấp các nhiệm vụ tư duy cho trẻ; + Biết yêu cầu trẻ đặt câu hỏi mở hoặc thực hiện các nhiệm vụ tư duy. c. Hỗ trợ phát triển kỹ năng cảm xúc - xã hội với trẻ mầm non - Phát triển tính tự chủ cho trẻ em, sinh viên cần: + Biết cho trẻ lựa chọn các hoạt động vui chơi, món ăn, các phương pháp học tập. + Biết tạo cơ hội cho trẻ đảm nhận các vai trò trong lớp học. + Biết tạo động lực cho trẻ tình nguyện tham gia lớp học. - Phát triển tính kiên trì cho trẻ em, sinh viên cần: + Biết ghi nhận nỗ lực của từng trẻ; + Biết phản ứng tích cực trước những thử thách của trẻ + Biết khuyến khích việc lập kế hoạch trong lớp học. - Hỗ trợ phát triển kỹ năng xã hội và hợp tác cho nhóm trẻ, sinh viên cần: + Biết thúc đẩy sự hợp tác của trẻ thông qua sự tương tác giữa các bạn; + Biết thúc đẩy các kỹ năng cá nhân hoặc kỹ năng giao tiếp của trẻ. + Biết dạy trẻ em hợp tác với nhau thông qua tương tác đồng trang lứa.

2.3.2. Con đường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non

Mục đích của học tập thực hành của SV đại học ngành Giáo dục mầm non là giúp SV phát triển năng lực nghề nghiệp và chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình tự rèn luyện năng lực sư phạm của GVMN tương lai. Việc phát triển năng lực nghề nghiệp phải được bắt đầu từ việc quan sát thực tiễn, học hỏi và nghiên cứu lý thuyết, thực hành các tình huống mô phỏng và mở rộng thực hành chuyên môn qua các tình huống thực tiễn đa dạng của giáo dục mầm non, qua đó bồi dưỡng tình cảm với trẻ em và niềm tin, quan điểm nghề nghiệp đúng đắn ở SV. Mỗi SV đại học ngành Giáo dục mầm non đều phải trải qua một quá trình rèn luyện và phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua các con đường sau:

+ *Thực hành ở các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành:* Trong các học phần trong chương trình đào tạo cho SV ngành Giáo dục mầm non ở năm thứ nhất, cần có các phương pháp cụ thể để rèn cho SV bước đầu có những kỹ năng sơ đẳng về chăm sóc đáp ứng cho trẻ và nhóm trẻ mầm non trên các phương diện chăm sóc dinh dưỡng, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất; chăm sóc sức khỏe tinh thần thông qua hoạt động học tập trên lớp, thảo luận nhóm, thực hành, thực tế,...

Thông qua học tập các môn học, giảng viên cần cho SV từ kiến thức đã học, ứng dụng các kiến thức đó vào thực hành các tình huống cụ thể để SV có thể áp dụng các kiến thức đã học, kỹ năng đã học, vào thực hiện các hoạt động chăm sóc đáp ứng trẻ và nhóm trẻ cụ thể. Từ đó người học có kiến thức về kỹ năng này và trong những tình huống cụ thể khi cần thiết, người học sẽ có thể tái hiện được những thao tác, hành động nhất định nào đó và tự bản thân có thể lập được kế hoạch; xây dựng môi trường hoạt động chăm sóc đáp ứng với cá nhân trẻ và nhóm trẻ mầm non; tổ chức thực hiện các hoạt động cụ thể trong chăm sóc đáp ứng với nhóm trẻ mầm non; đánh giá kết quả chăm sóc đáp ứng dinh dưỡng, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất; chăm sóc sức khỏe tinh thần. Tuy nhiên, giai đoạn này, SV chỉ cần đạt chuẩn đầu ra kỹ năng này ở mức độ kỹ năng ban đầu, kỹ năng sơ đẳng, SV thực hiện được kỹ năng dưới sự hướng dẫn của người dạy [6].

+ *Kiến tập sư phạm:* Thường được tiến hành ở năm thứ 3 của quá trình đào tạo đại học với nội dung quan sát và tìm hiểu thực tế về giáo dục mầm non trong lớp học, tập trung vào các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em. Có thể thông qua các hoạt động: Nghe báo cáo tình hình địa phương và nhà trường; dự giờ giảng mẫu của GVMN và phân tích học tập; tập lập kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; tập soạn giáo án, tập giảng và tập tổ chức các hoạt động giáo dục; viết báo cáo kiến tập sư phạm. Các hoạt động thực tế giáo dục mầm non có thể là: Tìm hiểu các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại một số cơ sở giáo dục mầm non công lập, ngoài công lập trong và ngoài tỉnh. Mục đích của hoạt động này là thông qua việc thâm nhập thực tế để hình thành kỹ năng nghề nghiệp, củng cố niềm tin và tình yêu nghề nghiệp cho SV và tạo động lực thúc đẩy SV tích cực trong các hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp của mình, đáp ứng yêu cầu thực tế của các môi trường nghề nghiệp khác nhau, ở các địa phương khác nhau.

+ *Thực tập sư phạm:* Đây là giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình rèn luyện và phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV. Với mục đích là củng cố, mở rộng và tăng cường phát triển các năng lực chuyên môn, sư phạm của GVMN tương lai trong điều kiện thực tiễn, ở hoạt động này SV sẽ được tham gia tất cả các hoạt động ở trường mầm non như một GVMN thực thụ tại trường. Thực tập sư phạm được tiến hành liên tục trong 8 tuần của năm thứ 4 hệ đào tạo đại học. Nội dung thực tập sư phạm được triển khai qua các hình thức và hoạt động khác nhau. Có thể là: Nghe báo cáo tình hình địa phương và tình hình phát triển của nhà trường; tìm hiểu đặc điểm tình hình của nhóm, lớp được phân công chủ nhiệm; lập kế hoạch chủ nhiệm; dự giờ mẫu; soạn giáo án; thực hành tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục ở trẻ em các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo; xây dựng các loại hồ sơ giáo dục trong nhóm, lớp; tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội tại nhà trường và địa phương [3]. Tổ chức tốt thực tập sư phạm góp phần tích cực vào phát triển kỹ năng nghề nghiệp nói chung và kỹ năng sư phạm nói riêng cho SV, giúp SV sau khi ra trường thích ứng nhanh và hiệu quả với hoạt động nghề nghiệp trong môi trường công tác sau này.

3. Kết luận

Rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ em cho SV đại học ngành Giáo dục mầm non là quá trình giảng viên hướng dẫn SV trong thực hành, luyện tập, thực tập nhằm giúp SV phát huy tính tự chủ, hình thành và phát triển các kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ em, vận dụng hiệu quả kỹ năng này trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp tại trường mầm non. Những nội dung lí luận trình bày trong nghiên cứu này sẽ là cơ sở khoa học quan trọng để luận án xây dựng chỉ báo, thiết kế bộ công cụ nghiên cứu thực trạng và xác định các biện pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng chăm sóc đáp ứng với trẻ mầm non cho SV ngành Giáo dục mầm non.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bowlby, J. (1969). *Attachment and loss: Vol. 1. Attachment*. New York: Basic Books.
- [2] Engle, P. L., & Lhotska, L. (1999). *The role of care in programmatic actions for nutrition: Designing programmes involving care*. Food and Nutrition Bulletin, 20(1), 121–135.
- [3] Nguyễn Thị Dư, Nguyễn Thị Nhung, Trần Hồng Minh (2012). *Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Phạm Văn Danh (2019). *Tài liệu về chăm sóc trẻ mầm non* (tài liệu lưu hành nội bộ).
- [5] Tronick, E. (1970). *Still Face Experiment*.
- [6] Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NĂNG LỰC GIAO TIẾP..

Tiếp theo trang 79

3. Kết luận

Các nền tảng công nghệ số như Zoom, Google Meet, Microsoft Teams, Zalo hay các mạng xã hội học tập đã mở ra cơ hội tương tác đa chiều, giúp người học phát triển kỹ năng trình bày, phản hồi và làm việc nhóm hiệu quả. Tuy nhiên, công nghệ chỉ đóng vai trò công cụ hỗ trợ, con người mới là yếu tố trung tâm quyết định chất lượng giao tiếp và hợp tác. Người học có NLGT và hợp tác tốt sẽ tận dụng hiệu quả các công cụ số để kiến tạo môi trường làm việc tích cực, sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng học tập và lao động. Sự phát triển NLGT và hợp tác trong môi trường số chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm yếu tố cá nhân người học, yếu tố nhà trường, yếu tố công nghệ và yếu tố môi trường xã hội. Vì vậy, để phát triển hiệu quả NLGT và hợp tác trong môi trường số, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa cá nhân người học, nhà trường và các điều kiện công nghệ, điều kiện kinh tế, điều kiện xã hội. Do vậy, phát triển NLGT và hợp tác không chỉ là yêu cầu tất yếu của quá trình đào tạo GV trong thời kỳ mới, mà còn là chìa khóa giúp SV sư phạm hội nhập, thích ứng và khẳng định năng lực nghề nghiệp trong môi trường giáo dục hiện đại. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để Trường Đại học Hùng Vương thực hiện hiệu quả mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực sư phạm chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2025 ban hành Khung năng lực số cho người học*.
- [3] UNESCO (2023). *ICT Competency Framework for Teachers*. Paris: UNESCO.
- [4] European Commission (2022). *DigComp 2.2: The Digital Competence Framework for Citizens*. Luxembourg.
- [5] Hoàng Phê (2018). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Hồng Đức, Hà Nội.
- [6] Hà Thị Thúy, Đặng Xuân Cường, Trần Văn Thế, Nguyễn Hằng Nga (2023). *Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh trung học cơ sở thông qua môn Khoa học tự nhiên*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 19, số 09, tr. 33-37.
- [7] Nguyễn Văn Lũy, Lê Văn Sơn (2017). *Giao tiếp sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [8] Phạm Thị Chiêm, Nguyễn Anh Tuấn (2025). *Các yếu tố tác động đến năng lực số của sinh viên Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á*. Tạp chí Giáo dục, 25 (19), 59-64.
- [9] Vũ Dũng (chủ biên, 2008), *Từ điển Tâm lý học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Viện Ngôn ngữ (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.